

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGUYÊN TẮC

Số:/HĐMB

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm tại văn phòng Công ty

Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY

Địa chỉ :
Điện thoại : Fax :
Tài khoản số :
Đại diện :
Chức vụ :
Mã số thuế :

(sau đây gọi tắt là “Bên A”)

BÊN B: CÔNG TY

Địa chỉ :
Điện thoại :
Tài khoản số :
Đại diện :
Chức vụ :
Mã số thuế :

(sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Sau khi bàn bạc và thống nhất ý kiến, hai bên cùng ký kết hợp đồng mua bán (sau đây gọi tắt là “Hợp Đồng Nguyên Tắc”) với những điều kiện và các điều khoản sau đây:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- 1.1. Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây quy định các nguyên tắc chung về việc mua bán hàng hóa giữa Bên A và Bên B, theo đó, Bên A sẽ bán cho Bên B các sản phẩm bao gồm
- 1.2. Cho mỗi đơn hàng cụ thể, Bên A và Bên B sẽ ký một hợp đồng mua bán riêng rẽ và độc lập, có quy định cụ thể về (i) Thông tin về sản phẩm (bao gồm tên, mô tả quy cách sản phẩm, yêu cầu chất lượng, số lượng sản phẩm, loại sản phẩm; (ii) Giá cả, đặt cọc, phương thức thanh toán; (iii) địa điểm giao hàng, thông tin về người giao hàng, nhận hàng, và các thông tin khác mà hai bên thấy cần thiết phải đưa vào (Sau đây gọi chung là “Hợp đồng mua bán”).

1.3. Các nội dung không được quy định

trường hợp hai văn bản có cùng một quy định nhưng có cách hiểu, giải thích khác nhau thì áp dụng theo quy định tại văn bản có ngày ký mới nhất.

Điều 2. Đặt cọc

- 2.1. Trong trường hợp Bên A có yêu cầu, Bên B có thể phải thực hiện việc đặt cọc để đảm bảo nghĩa vụ mua hàng và thanh toán tiền mua hàng. Các bên sẽ thỏa thuận cụ thể về việc đặt cọc (số tiền đặt cọc, thời gian đặt cọc, hoàn trả lại tiền cọc ...).
- 2.2. Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận về việc đặt cọc thì Bên B không có nghĩa vụ đặt cọc.

Điều 3. Đặt hàng

- 3.1. Tùy từng thời điểm và phù hợp với nhu cầu của mình, Bên B gửi đơn đặt hàng với số lượng, loại sản phẩm, thời gian yêu cầu giao hàng cụ thể theo mẫu đơn đặt hàng mà các bên đã thống nhất với nhau.

Bên B có thể gửi đơn đặt

hàng cho Bên B.

- 3.2. Bên A được coi là chấp thuận đặt hàng của Bên B nếu Bên A không thông báo cho Bên B là từ chối đơn đặt hàng trong vòng 10 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của Bên B.

Bên A chỉ có quyền từ chối toàn bộ đơn đặt hàng của Bên B

phẩm có hiệu lực tại thời điểm đặt hàng.

- 3.3. Bên B đặt hàng trước thời gian giao hàng ít nhất **15 (mười lăm) giờ**.
- 3.4. Trên cơ sở đơn đặt hàng, các Bên ký kết hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 1.2, Điều 1 của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

Điều 4. Giao nhận hàng hóa

Trừ trường hợp có quy định khác tại Hợp đồng mua bán cụ thể giữa các bên:

- 4.1. Bên A có trách nhiệm giao hàng đến cửa hàng của Bên B đúng số lượng, loại sản phẩm, chất lượng sản phẩm, đúng thời gian và địa điểm theo Hợp đồng mua bán đã kí.

Bên A có trách nhiệm chuyển hàng hóa từ phương tiện vận tải đến vị trí do người tiếp nhận hàng hóa của Bên B yêu cầu, với điều kiện vị trí đó thuộc địa điểm nhận hàng nêu trên.

4.2. Bên B chịu trách nhiệm bố

chỉ định.

4.3. Khi giao nhận hàng, Bên B có

sản phẩm và các tiêu chí chất lượng có thể kiểm

tra bằng mắt thường.

Trường hợp Bên A giao hàng không

lệch (nếu có).

Trường hợp giao hàng không đúng theo Hợp đồng mua bán đã kí

theo quy định tại Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây. Bên A vẫn phải chịu các chế tài

4.4. Bên A

Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

4.5. Mọi rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hoá được chuyển cho Bên B khi và chỉ khi hàng hoá đã được giao cho người được Bên B phân công nhận hàng tại địa điểm giao hàng theo Hợp đồng mua bán đã kí cụ thể. Việc giao nhận hàng được xác nhận bằng văn bản.

Điều 5. Giá bán hàng và thanh toán

5.1. Giá bán hàng hóa giữa Bên A và Bên B

được ghi nhận tại Hợp đồng

mua bán cụ thể giữa các bên.

5.2. Bên A đảm bảo giá bán hàng hóa ổn định trong ít nhất 06 tháng. Trong trường hợp đơn giá của sản phẩm có sự thay đổi

10 (mười) ngày làm việc.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

6.1. Được thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.

6.2. Cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất, nhà phân phối. Cung cấp hướng dẫn sử dụng sản phẩm và giấy tờ kèm theo của hàng hóa cho Bên B theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của nhà sản xuất, nhà phân phối.

6.3. Cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian, địa điểm theo Hợp đồng mua bán đã kí của Bên B, trừ trường hợp Bên A từ chối đơn đặt hàng.

6.4. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật Việt Nam về quản lý và lưu thông hàng hóa, nhãn hàng hóa trong phạm vi hoạt động của Bên A. Bên B không chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật này của Bên A.

- 6.5. Đảm bảo rằng việc Bên A bán hàng hóa cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây là đúng pháp luật. Trong trường hợp có bất kỳ hành vi nào vi phạm đảm bảo này, Bên A phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và với bên thứ ba khác và có thể phải bồi thường những thiệt hại của Bên B bị gây ra bởi hành vi vi phạm đó.
- 6.6. Thanh toán kịp thời tất cả các loại thuế, phí và các khoản nợ khác của Bên A khi thực hiện kinh doanh theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.
- 6.7. Tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành và phải có tất cả các giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh quy định trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.
- 6.8. Nỗ lực hết sức để hợp tác với Bên B hoặc bất kỳ người được ủy quyền, đại lý, luật sư hoặc bất kỳ người nào khác do Bên B chỉ định tùy từng thời điểm để hoàn thành mọi thủ tục cần thiết và các nghĩa vụ khác để thực hiện Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.
- 6.9. Đảm bảo cấp quyền quyền kinh doanh cho Bên B ngay sau khi Bên A được phép thực hiện việc đó từ chủ sở hữu hệ thống nhượng quyền các sản phẩm mà Bên A bán cho Bên B quy định tại Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.
- 6.10. Đảm bảo cấp quyền và hướng dẫn, đào tạo cho Bên A kinh doanh các mặt hàng bán cho Bên A một cách hiệu quả, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung: (i) Mô hình quản lý thương mại; (ii) Mô hình xúc tiến kinh doanh; (iii) Giải pháp thiết kế cửa hàng của Bên B và bộ nhận diện thương hiệu tại cửa hàng bán sản phẩm; (iv) Biện pháp, tiêu chuẩn bảo quản, lưu trữ hàng hóa; (v) Tiêu chuẩn cửa hàng, kho bãi; (vi) Số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn trang bị, thiết bị; (vii) Tiêu chuẩn của sản phẩm khi bán cho khách hàng; (viii) Mẫu trang trí sản phẩm; (ix) Giá bán hàng hóa giữa Bên B và khách hàng của Bên B; (x) Dịch vụ đối với khách hàng; (xi) Lưu trữ hàng tồn kho cần thiết; (xii) Cách thức tiêu hủy hàng hóa nếu quá hạn; (xiii) Công tác tìm hiểu và xúc tiến thị trường, quảng bá sản phẩm; (xiv) Bất kỳ hướng dẫn sử dụng nào do Bên A cung cấp.
- Bên A cử người đào tạo nhân sự của Bên B về việc vận hành và quản lý trước khi khai trương cửa hàng của Bên B và khi Bên B có yêu cầu; cử người trực tiếp hướng dẫn, đào tạo cho nhân viên của Bên B thực hiện các kỹ thuật trong phạm vi nêu tại mục này, bao gồm kỹ thuật bảo quản, trang trí sản phẩm, tiêu hủy hàng hóa,... Việc hướng dẫn, đào tạo này được thực hiện trước khi Bên B khai trương cửa hàng và khi Bên B có yêu cầu.
- 6.11. Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.
- 6.12. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 7.1. Đảm bảo thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây cũng như trong các thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Bên A và Bên B.
- 7.2. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật Việt Nam về quản lý và lưu thông hàng hóa, nhãn hàng hóa trong phạm vi hoạt động kinh doanh của Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật này của Bên B.

- 7.3. Không được phép bán hàng hết hạn và hàng quá hạn cho khách hàng.
- 7.4. Thanh toán kịp thời tất cả các loại thuế, phí và các khoản nợ khác của Bên B khi thực hiện kinh doanh theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.
- 7.5. Tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành và phải có tất cả các giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động kinh doanh quy định trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.
- 7.6. Nỗ lực hết sức để hợp tác với Bên A hoặc bất kỳ người được ủy quyền, đại lý, luật sư hoặc bất kỳ người nào khác do Bên A chỉ định tùy từng thời điểm để hoàn thành mọi thủ tục cần thiết và các nghĩa vụ khác để thực hiện Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam.
- 7.7. Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong Hợp đồng.
- 7.8. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

Điều 8. Chuyển nhượng Hợp đồng

Mỗi bên chỉ được chuyển nhượng cho bên thứ ba khác thay thế vị trí của mình trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây nếu nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại.

Điều 9. Thông báo

- 9.1. Khi một bên cần gửi cho bên còn lại một thông báo liên quan đến việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, việc thông báo được thực hiện theo quy định tại Điều này.
- 9.2. Địa chỉ tiếp nhận các thông báo của mỗi Bên là địa chỉ sau đây, trừ khi được thông báo khác đi bằng văn bản bởi Bên có địa chỉ thay đổi.
 - a) Nếu bằng văn bản (kể từ ngày hiệu lực của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây)
 - Thông báo tới Bên A qua địa chỉ:
 - Thông báo tới Bên B qua địa chỉ:
 - b) Nếu qua thư điện tử (kể từ ngày hiệu lực của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây)
 - Thông báo tới Bên A qua:
 - Thông báo tới Bên B qua:
- 9.3. Hình thức thông báo giữa các bên: thông báo có thể được gửi bằng email hoặc thư bảo đảm hoặc giao trực tiếp hoặc bao gồm một vài hoặc tất cả các hình thức này.
- 9.4. Bất kỳ thông báo phát sinh từ/ liên quan đến Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây sẽ được xem là đã được nhận nếu được gửi tới đúng địa chỉ và theo hình thức thông báo quy định tại khoản 9.1, khoản 9.2 Điều này với thời điểm nhận được quy định như sau:
 - Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay có ký biên nhận.

- Vào ngày người gửi nhận được báo gửi email thành công trong trường hợp gửi thư điện tử.
- Vào ngày nhận thư hoặc ngày người phát thư của đơn vị chuyển phát không thể giao thư dù đã cố gắng theo xác nhận của đơn vị chuyển phát trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư có bảo đảm.

9.5. Trong trường hợp bất kỳ bên nào có sự thay đổi địa chỉ nhận thông báo thì bên có sự thay đổi đó phải thông báo cho bên kia biết rõ việc thay đổi đó trước khi có sự thay đổi ít nhất **10 (mười) ngày làm việc.**

Nếu bên thay đổi địa chỉ không thông báo việc thay đổi địa chỉ thì bên còn lại không phải chịu trách nhiệm về việc bên thay đổi địa chỉ không nhận được thông tin tài liệu. Đồng thời, bên không thông báo việc thay đổi địa chỉ không được miễn trừ trách nhiệm nếu không thực hiện/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ do không nhận được thông tin tài liệu từ Bên kia.

9.6. Bất kỳ người lao động nào của một bên ở trong địa chỉ của bên đó thay mặt bên đó nhận văn bản từ bên còn lại và/ hoặc ký biên lai nhận thư phát hành bởi đơn vị chuyển phát (nếu có), thì các bên sẽ xem như (i) Bên đó đã nhận được văn bản đó và (ii) Bên còn lại đã giao văn bản đó tới đúng địa chỉ, người nhận, theo đúng phương thức thông báo như quy định tại Điều này.

Điều 10. Cung cấp và trao đổi thông tin giữa hai Bên

10.1. Để lập hồ sơ Bản hàng, hai bên cung cấp cho nhau các thông tin và tài liệu sau:

a) Thông tin:

- Tên doanh nghiệp
- Địa chỉ giao dịch chính thức
- Vốn
- Tên tài khoản
- Số tài khoản
- Tên ngân hàng
- Người được cử là Đại diện giao dịch trực tiếp của hai Bên (họ tên, chức vụ, chữ ký).

b) Tài liệu:

- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương.
- Bản sao (chứng thực) Giấy chứng Quyết định bổ nhiệm Giám đốc và Kế toán trưởng.
- Bản sao (chứng thực) Quyết định ủy quyền ký thay Giám đốc và hoặc Kế toán trưởng (nếu có)

10.2. Hai bên thống nhất trao đổi thông tin

Điều 9 của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

10.3. Trong trường hợp có sự thay đổi về những thông tin tại phần đầu của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, thông tin tại khoản 10.1.a Điều này như: thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi mã số

thuế, thay đổi tài khoản, người đại diện theo pháp luật..., bên có sự thay đổi phải gửi thông báo cho bên còn lại theo quy định của Điều 9 của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây và gửi kèm bản sao (chứng thực) các tài liệu quy định tại khoản 10.1.b Điều này (nếu được cấp bản mới của tài liệu).

Điều 11. Hiệu lực Hợp đồng

- 11.1. Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày Nếu cả hai bên mong muốn tiếp tục thực hiện Hợp đồng sau khi hết thời hạn, các thủ tục gia hạn phải được thỏa thuận trước khi hết hạn hợp đồng trong thời gian tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày.
- 11.2. Các điều khoản của Hợp đồng này hoàn toàn độc lập và tách biệt với nhau. Nếu có bất kỳ quy định hoặc điều khoản nào trong Hợp đồng này không hợp lệ và không thể thực hiện được thì những điều khoản khác của Hợp đồng này vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 12. Sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng

12.1. Trong trường hợp bất kỳ giá trị nào được quy định trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây trở nên không hợp lý do thay đổi nhanh chóng trong hoàn cảnh xã hội hoặc kinh tế, hoặc thay đổi cơ cấu giá do biến động giá liên tục, Bên A và Bên B sẽ thỏa thuận để sửa đổi giá trị tương ứng, trừ trường hợp Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây có quy định khác.

12.2. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với các điều khoản của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây phải được hai Bên thỏa thuận và lập thành văn bản. Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng là một phần không tách rời của Hợp đồng.

12.3. Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- Theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận các điều kiện và điều khoản về việc chấm dứt Hợp đồng.
- Hết thời hạn Hợp đồng.
- Việc thực hiện Hợp đồng bị tác động và cản trở

của pháp luật.

- Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền của mỗi Bên.

- Một bên quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải báo trước cho Bên kia biết trước tối thiểu là 30 (ba mươi) ngày.
- Một bên thực hiện quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng do bên kia vi phạm một trong các nghĩa vụ hoặc các cam kết đưa ra theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây và không khắc phục các vi phạm đó trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm của bên kia.

12.4. Khi Hợp đồng bị chấm dứt:

- Hai bên tiến hành quyết toán hàng hóa và công nợ. Biên bản thanh lý Hợp đồng có xác nhận bởi cấp có thẩm quyền của các bên là văn bản chính thức cho phép Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây được chấm dứt.
- Bên A sẽ hoàn trả lại tiền đặt cọc sau khi Bên B thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.
- Tất cả các tài sản, các quyền và lợi ích được tạo lập, phát sinh bằng hoặc từ chi phí do một Bên bỏ ra thuộc quyền sở hữu của Bên đó, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có yêu cầu khác. Một Bên có toàn quyền đối với các tài sản, quyền, lợi ích do Bên đó sở hữu.

Điều 13. Sự kiện bất khả kháng

13.1. Việc không thực hiện hay chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ của một bên trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây sẽ không bị xem là vi phạm Hợp đồng và được miễn trừ trách nhiệm nếu việc không thực hiện hoặc chậm trễ đó bị gây ra do một trong các Sự kiện bất khả kháng sau đây:

- Do chiến tranh hoặc thiên tai, phá hoại, hỏa hoạn, bạo động, đình công, dịch bệnh hoặc bất kỳ sự kiện nào khác nằm ngoài phạm vi kiểm soát của con người.
- Hành vi của chính quyền: do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước.
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

13.2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là Sự kiện bất khả kháng.

13.3. Khi có Sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ thông báo cho bên kia bằng văn bản hoặc qua email hoặc thông báo trực tiếp trong thời gian 10 (mười) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng và phải đồng thời cung cấp các tài liệu chứng minh Sự kiện bất khả kháng đã xảy ra và có ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của Bên thông báo.

13.4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của các bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Sự kiện bất khả kháng. Các bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

Bên bị tác động bởi Sự kiện bất khả kháng phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng và tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ đã bị tạm dừng bởi Sự kiện bất khả kháng.

Điều 14. Vi phạm Hợp đồng và xử lý vi phạm

14.1. Mọi sự trì hoãn, từ chối, không thực hiện, thực hiện không chính xác hoặc có sự gian dối liên quan đến việc ký kết và/ hoặc thực hiện Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây trong phạm vi thẩm quyền của một bên hoặc trong phạm vi các nghĩa vụ của một bên theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây đều được xác định là sự vi phạm Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây của bên đó.

14.2. Khi xảy ra hành vi vi phạm, bên bị vi phạm gửi thông báo tới bên vi phạm để yêu cầu bên vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục ngay.

- 14.3. Trong trường hợp Hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn do hành vi vi phạm của một bên, bên vi phạm phải trả cho bên bị vi phạm một khoản phạt vi phạm bằng 8% phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm. Trong trường hợp không xác định được phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm, giá trị bị vi phạm được xác định bằng doanh thu trung bình một tháng của Bên B nhân với số tháng Hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn.
- 14.4. Các trách nhiệm quy định tại khoản 14.3 phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn. Sau thời hạn 30 (ba mươi) ngày, Bên vi phạm phải chịu một khoản tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất là 20%/năm tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán.

Điều 15. Bồi thường thiệt hại

- 15.1. Trong trường hợp Hợp đồng phải chấm dứt trước thời hạn do hành vi vi phạm của một bên, bên vi phạm phải bồi thường cho bên bị vi phạm các thiệt hại bị gây ra bởi hành vi vi phạm của Bên vi phạm.

Các bên thống nhất rằng, không Bên nào sẽ phải chịu trách nhiệm đối với Bên kia cho bất kỳ thiệt hại gián tiếp, ngẫu nhiên, phát sinh, hoặc mang tính trừng phạt nào, bao gồm lợi nhuận bị mất theo hoặc liên quan đến Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

- 15.2. Bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B giá trị thiệt hại do mình gây ra trong các trường hợp sau:

Bên A không giao hàng đúng thời gian/ địa điểm/ số lượng/ chủng loại theo Hợp đồng mua bán đã ký, trừ trường hợp Bên A được quyền từ chối và đã từ chối đơn đặt hàng của Bên B theo đúng quy định.

- 15.3. Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A giá trị thiệt hại do mình gây ra trong các trường hợp sau:

- Bên B yêu cầu đơn đặt hàng đặc biệt, Bên A đã chuẩn bị nhưng sau đó Bên B hủy bỏ đơn đặt hàng đó.
- Bên B hủy đơn đặt hàng khi Bên A trên đường giao hàng đến Bên B.
- Bên B không sắp xếp được người nhận hàng theo lịch giao hàng khi Bên A đã mang hàng đến địa chỉ của Bên B

Điều 16. Bảo mật

- 16.1. Mọi giao dịch, thông tin, tài liệu, giấy tờ và thoả thuận giữa Bên A và Bên B được coi là thuộc quyền sở hữu của bên có quyền. Mỗi bên phải bảo mật một cách nghiêm ngặt bất kỳ và mọi thông tin mà mình có được liên quan đến Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây và sẽ không tiết lộ hoặc công bố thông tin đó cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ trường hợp được yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có sự đồng ý trước của bên có quyền cho việc tiết lộ cho bên thứ ba.

- 16.2. Mỗi bên chỉ có thể tiết lộ thông tin mật cho nhân viên của bên đó để thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây. Tuy nhiên, mỗi bên sẽ phải thực hiện giám sát để đảm bảo rằng nhân viên của mình không tiết lộ thông tin mật.

16.3. Quy định này vẫn tiếp tục có hiệu lực kể cả sau khi Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây đã được kết thúc, chấm dứt và thanh lý.

Điều 17. Thiện chí và giải quyết tranh chấp

17.1. Trong trường hợp có bất kỳ nghi ngờ nào liên quan đến việc giải thích Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây hoặc bất kỳ sự khác biệt nào về quan điểm, phát sinh giữa các bên liên quan đến việc xử lý các vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, Bên A và Bên B sẽ cùng thảo luận để giải quyết một cách thân thiện vấn đề phù hợp với bản chất của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, luật pháp liên quan và nỗ lực để đạt được một giải pháp thỏa đáng.

17.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, bất kỳ tranh chấp nào phát sinh nếu có sẽ được các bên cùng nhau bàn bạc, thương lượng và thống nhất giải quyết. Những chi tiết không ghi cụ thể trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, nếu có xảy ra, sẽ thực hiện theo quy định chung của pháp luật Việt Nam hiện hành.

17.3. Trường hợp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, các bên không thể thống nhất giải quyết thì các bên có quyền yêu cầu đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

17.4. Quyết định của Tòa án là cuối cùng mà các bên phải thi hành. Án phí sẽ do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các Bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo qui định của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

Điều 18. Điều khoản thi hành

18.1. Không bên nào được thay mặt hay mang danh nghĩa của bên kia giao dịch với khách hàng.

18.2. Không bên nào được sử dụng một tên gọi nào đó mà có thể bao hàm rằng trụ sở chính của bên kia là trụ sở của mình.

18.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều ghi trên Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây. Nếu một trong hai bên cố ý vi phạm các điều khoản của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây sẽ phải chịu trách nhiệm tài sản về các hành vi vi phạm đó.

18.4. Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây thay thế toàn bộ các thỏa thuận hoặc ghi nhớ bằng lời nói hoặc văn bản trước đó giữa các Bên liên quan đến nội dung cơ bản của Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây.

18.5. Việc một bên, cho dù một hoặc nhiều lần, không thực hiện các quyền hoặc đặc quyền được quy định trong Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây, hoặc việc bên đó từ bỏ bất kỳ khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường đối với bất kỳ vi phạm nào, sẽ không được hiểu là bên đó từ bỏ bất kỳ điều khoản, cam kết, điều kiện, quyền, đặc quyền, khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường nào theo Hợp Đồng Nguyên Tắc Đây. Việc từ bỏ sẽ không có hiệu lực trừ khi được lập thành văn bản và ký hợp lệ bởi bên từ bỏ.

18.6. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị như nhau, bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản gốc.

ĐỂ LÀM BẰNG, các bên tham gia ký tên và đóng dấu dưới đây.

Ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Công ty Luật TNHH Inteco

Công ty Luật TNHH Inteco